

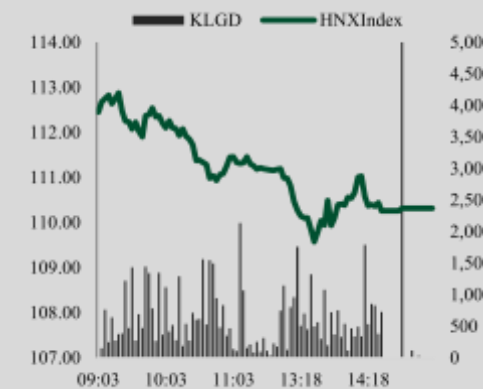
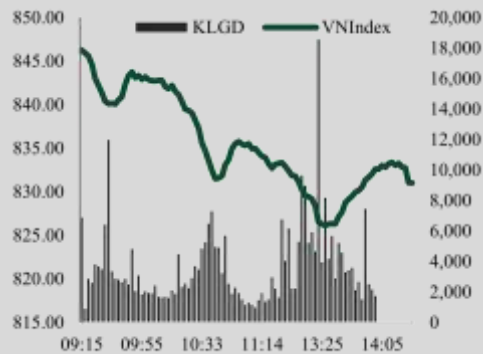
TIÊU ĐIỂM

VN Index ghi nhận một phiên giảm mạnh, với áp lực bán hiện diện trên hầu hết các cổ phiếu vốn hóa lớn. Thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước cả về giá trị và khối lượng giao dịch.

Thông kê thị trường	HSX	HNX
Index	829.36	110.32
Thay đổi	-2.65%	-2.76%
KLGD (cổ phiếu)	389,638,233	60,246,590
GTGD (tỷ VND)	5,564.16	586.61

Số cổ phiếu tăng giá	53	45
Số cổ phiếu đứng giá	28	43
Số cổ phiếu giảm giá	358	124

Sản phẩm phái sinh	Chỉ số	Thay đổi
VN30F1M	763.00	-15.10
VN30F2M	754.50	-14.60
VN30F1Q	746.10	-16.40
VN30F2Q	747.00	-15.10



VN INDEX GIẢM MẠNH, CÓ XU HƯỚNG RƠI LẠI VỀ VÙNG 800

- VN Index ghi nhận một phiên giảm mạnh, với áp lực bán hiện diện trên hầu hết các cổ phiếu vốn hóa lớn. Thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước cả về giá trị và khối lượng giao dịch.
- Diễn biến tiêu cực của thị trường chứng khoán thế giới, với các chỉ số lớn như Dow Jones, Nikkei 225, Kospi, Hang Seng,... đều ghi nhận mức giảm mạnh trên 2.00%, và thêm vào đó là thông tin về mức tăng trưởng GDP thấp kỷ lục của Việt Nam trong Q2.2020 đã tác động tiêu cực tới tâm lý nhà đầu tư trong nước. Theo đó, chỉ số VN – Index mau chóng mất hơn 10 điểm ngay từ thời điểm mở cửa. Áp lực bán có xu hướng gia tăng mạnh kể từ sau thời điểm 11h, với sự đi xuống của các mã bluechips (VHM, HPG, SAB, VCB...) đã khiến VN – Index mất gần 20 điểm cuối phiên sáng. Sang tới phiên chiều, lực cung tiếp tục gia tăng mạnh mẽ bất chấp lực cầu bắt đáy khá dồi dào ở những vùng giá thấp đã khiến một số cổ phiếu "trụ" như GAS, VHM, VCB, VIC, BID,... giảm sâu và chỉ số chung theo đó có thời điểm mất gần 30 điểm. Dù lực cầu bắt đáy xuất hiện khiến chỉ số VN - Index thu hẹp đà giảm thì mức giảm khi kết phiên vẫn là hơn 22 điểm. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ so với phiên trước, với tổng giá trị giao dịch đạt khoảng 6,294 tỷ đồng trên cả ba sàn. Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN Index giảm 22.62 điểm (-2.65%) và đạt mức 829.36 điểm, trong khi HNX Index dừng tại mức 110.32 điểm (-2.76%).
- Theo nhận định của chúng tôi, chỉ số VN Index đã rơi xuống dưới ngưỡng hỗ trợ 850 điểm và nhiều khả năng sẽ tiếp tục kiểm định vùng hỗ trợ 800 - 820. Dù xu hướng chung vẫn là giảm, chúng tôi cho rằng nhịp "hạ nhiệt" này là cần thiết và lành mạnh sau nhịp tăng "nóng" và mạnh mẽ của nhiều cổ phiếu kể từ giữa tháng 4/2020 đến giờ bất chấp yếu tố cơ bản bị ảnh hưởng do tác động toàn cầu của dịch Covid-19. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư chưa nên tham gia thị trường vào thời điểm này và cần tiếp tục quan sát thêm tín hiệu tạo đáy trong các phiên tới trước khi quay trở lại giải ngân.

Đánh giá triển vọng thị trường

<u>Ngắn hạn</u>	<u>Trung hạn</u>	<u>Dài hạn</u>
TRUNG TÍNH	TRUNG TÍNH	TÍCH CỰC

Một số tin tức đáng chú ý

- **Tăng trưởng kinh tế thấp nhất lịch sử thống kê.** Sáng nay (29/6), Tổng cục Thống kê đã công bố tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2020. GDP nửa đầu năm ước tính tăng 1,81% so với cùng kỳ năm trước, trong đó quý II tăng trưởng 0,36%. Mức tăng GDP này, theo tài liệu tại cuộc họp báo của ngành thống kê là thấp nhất trong 10 năm.
- **IMF: Thị trường tài chính sẽ rơi vào đợt điều chỉnh, giá tài sản có thể giảm ít nhất 10%.** Quỹ Tiền tệ Quốc tế cảnh báo việc các thị trường tài chính và nền kinh tế thực mất đi sự tương quan như hiện nay có thể khiến các tài sản rơi vào một đợt điều chỉnh trong thời gian tới.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

VN Index



VN – Index bật lên từ dải dưới Bollinger Bands, tuy nhiên thanh khoản chưa có sự bứt phá và chỉ báo RSI đang tiến dần đến vùng quá bán. Ngưỡng kháng cự tại 905 – 910, ngưỡng hỗ trợ tại 800 - 810.

HNX Index



HNX - Index diễn biến tương tự như VN – Index. Chúng tôi sẽ tiếp tục quan sát diễn biến của chỉ số này trong các phiên tới. Kháng cự gần nhất: 121.00 – 122.00 điểm, hỗ trợ gần nhất: 109.00 -110.00 điểm.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

TOP 5 CP LÀM TĂNG CHỈ SỐ

HOSE

Mã	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
TCH	22,900	5.53	0.124	5.06MLN
EIB	18,000	1.41	0.088	52,920
CTD	70,000	4.79	0.072	1.11MLN
VGC	19,350	2.38	0.058	446,090
PSH	23,400	6.85	0.054	38,030

HNX

Mã	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
DLI	26,400	10.00	0.109	1,000
OCH	9,600	9.09	0.072	100
NVB	8,700	1.16	0.039	3.27MLN
PVI	30,600	1.66	0.018	43,000
HTC	24,300	9.95	0.012	25,000

TOP 5 CP LÀM GIẢM CHỈ SỐ

HOSE

Mã	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VIC	89,000	-2.73	-2.412	359,370
VNM	111,900	-3.45	-1.987	1.52MLN
VCB	81,500	-2.16	-1.904	594,140
BID	38,500	-3.51	-1.606	1.33MLN
VHM	74,000	-2.12	-1.528	1.07MLN

HNX

Mã	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
SHB	13,100	-6.43	-1.179	1.81MLN
ACB	22,900	-2.97	-1.107	4.35MLN
SHS	11,800	-7.81	-0.145	3.55MLN
VCG	26,400	-6.05	-0.113	431,500
PVS	12,000	-3.23	-0.096	3.62MLN

TOP 5 CP TĂNG GIÁ MẠNH NHẤT ĐI CÙNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

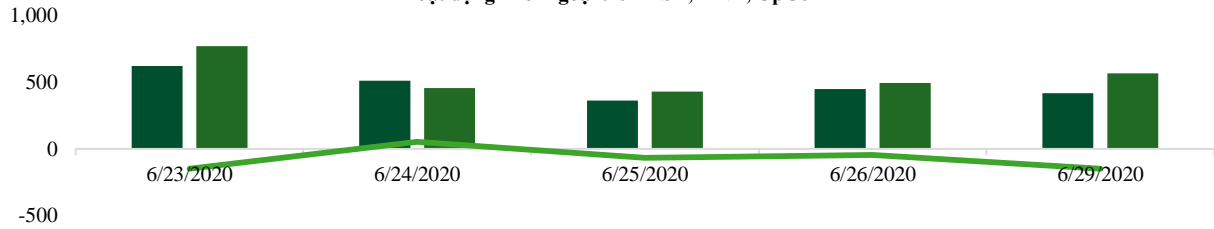
HOSE

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
BCG	711.76	6,590	1,029,450	6.98
TCH	8,089.92	22,900	5,063,080	5.53
CTD	5,340.48	70,000	1,108,280	4.79
FTS	1,944.33	14,700	641,350	3.52
VNG	1,522.38	15,650	253,090	2.96

HNX

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
NVB	3,539.19	8,700	3,269,200	1.16
AAV	178.50	5,600	290,400	-6.67

Hoạt động khối ngoại trên HSX, HNX, UpCom



TOP 5 CP MUA RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
FUEVFNVD	11,600	30,930.46	5,276.61	25,653.86
VHM	74,000	30,805.67	5,341.76	25,463.91
GEX	16,200	20,870.39	846.21	20,024.19
HPG	26,650	69,478.03	62,880.89	6,597.14
HBC	10,000	4,819.98	239.19	4,580.78

TOP 5 CP BÁN RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VNM	111,900	25,596.99	91,689.05	66,092.05
SSI	14,800	1,667.87	37,804.86	36,137.00
VIC	89,000	10,017.83	29,526.71	19,508.88
HSG	11,800	678.19	14,570.12	13,891.93
HDB	24,700	9,466.78	21,786.23	12,319.45

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VCS	61,000	317.64	30.50	287.14
ART	2,700	277.02	0.81	276.21
IDV	37,800	227.71	-	227.71
MBG	4,800	163.20	-	163.20
PMC	52,500	118.22	-	118.22

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VCG	26,400	83.62	1,404.19	1,320.57
SHS	11,800	9.41	1,165.83	1,156.42
HAD	13,000	111.08	903.63	792.55
PVS	12,000	136.80	620.33	483.53
PSD	9,500	-	465.93	465.93

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
BCM	26,300	2,187.23	-	2,187.23
VTP	134,500	2,333.18	405.53	1,927.65
BSR	6,800	620.80	-	620.80
ABI	27,000	328.68	16.44	312.24
QNS	28,500	231.66	-	231.66

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VLC	31,000	-	1,530.16	1,530.16
ACV	60,000	7,185.30	8,314.46	1,129.16
HND	17,100	-	432.00	432.00
BDG	30,900	-	240.00	240.00
LPB	8,400	33.24	266.60	233.36

ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trần Minh Hoàng

Trưởng phòng Phân tích & Nghiên cứu

tmhoang@vcbs.com.vn

Nguyễn Hoàng Minh

Chiến lược gia thị trường

nhminh@vcbs.com.vn

Hoàng Tùng Vũ

Chuyên viên phân tích thị trường

htvu@vcbs.com.vn